TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T H** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2023/HNGĐST
Ngày 31-7-2023
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Minh**

2. Ông **Lê Thuận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đỉnh**.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST–HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kiều T** – sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp Tân Hồng, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

** Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quốc V** – sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp Tân Hồng, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Quốc V tự quen nhau đi đến tổ chức cưới vào ngày 15/4/2015 được UBND xã Nh H L, huyện T Th, tỉnh Long An cấp giấy chứng

nhận kết hôn số 80/2015, ngày 30/9/2015. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình bên chồng tại Long An đến năm 2016 thì chuyển về sống chung gia đình bên vợ tại xã T H, huyện T H. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V lo ăn chơi không lo làm ăn, không quan tâm tới vợ và con từ đó mà vợ chồng thường hay cự cãi nhau đồng thời cũng trong tháng 9/2018 anh V bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: 1. Nguyễn Thị Kiều N – sinh ngày 28/08/2015; 2. Nguyễn Quốc Ph – sinh ngày 06/4/2017.

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

Về quan hệ con chung: chị T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Kiều N, sinh ngày 28/08/2015 và cháu Nguyễn Quốc Ph, sinh ngày 06/4/2017. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Quốc V được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không có lời khai

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do nên không thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều T.

+ *Về quan hệ con chung:* Đề nghị tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Kiều N, sinh ngày 28/08/2015 và cháu Nguyễn Quốc Ph, sinh ngày 06/4/2017 cho chị Nguyễn Thị Kiều T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh V có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

+ *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T H.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh V vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị T yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Quốc V.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị Kiều T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, chị T và anh V chung sống với nhau được Uỷ ban nhân dân xã Nh H L, huyện T Th, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2015, ngày 30/9/2015 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con từ đó vợ chồng thường hay xảy ra cự cãi, ngoài ra chị T nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh V không sửa đổi, đến cuối tháng 9/2018 thì anh V bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa, chị T vẫn kiên quyết muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ.

Xét thấy: Chị T, anh V chung sống với nhau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9/2018 cả hai đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn chung sống lại với nhau

nhưng không thành, mặt khác anh V đã được Tòa án tống đạt các giấy triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy vợ chồng chị T, anh V đã phát sinh mâu thuẫn một thời gian khá dài; ngoài ra, chị T và anh V đã ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh V là có cơ sở chấp nhận.

[2] *Về quan hệ con chung:* Xét yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Kiều N, sinh ngày 28/08/2015 và cháu Nguyễn Quốc Ph, sinh ngày 06/4/2017 của chị Nguyễn Thị Kiều T.

Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Kiều N, sinh ngày 28/8/2015 là muốn được ở với mẹ là chị T, đối với cháu Nguyễn Quốc Ph, sinh ngày 06/4/2017 hiện nay còn nhỏ vẫn đang được chị T nuôi dưỡng và chị T vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu. Do đó, yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kiều T là có cơ sở để chấp nhận.

[3] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Do chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Kiều T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con của chị Nguyễn Thị Kiều T.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Kiều Ni – sinh ngày 28/08/2015 và cháu Nguyễn Quốc Ph – sinh ngày 06/4/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh V được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002416, ngày 15 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc V có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:
- VKSND huyện T H;
- Chi cục THADS huyện T H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã Nh H L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo